

Bản án số: 234/2018/DS-PT

Ngày: 27- 11 - 2018

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Phương Loan

Ông Hồ Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Bạch - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2018/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2018 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2018/DS-ST ngày 29/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 300/2018/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị M, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Dương Trọng Đ, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp cho ông Đ: Ông Nguyễn N, sinh năm 1952. Địa chỉ: ấp 18, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau (theo văn bản ủy quyền ngày 05/9/2018) (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Dương Văn G, sinh năm 1964 (không triệu tập)

2. Bà Dương Thị L, sinh năm 1956 (không triệu tập)

3. Bà Mai Thị P, sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bà P: Ông Dương Trọng Đ, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp 5, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau và ông Nguyễn N, sinh năm 1952. Địa chỉ: ấp 18, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau (theo văn bản ủy quyền ngày 23/11/2018) (có mặt)

4. Ông Dương Văn D, sinh năm 1967 (không triệu tập)

5. Ông Dương Khánh D, sinh năm 1967 (không triệu tập)

Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

6. Ông Dương Văn H1, sinh năm 1949 (không triệu tập)

Địa chỉ: Ấp 2, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

7. Ông Dương Văn H2, sinh năm 1958 (không triệu tập)

8. Ông Dương Hùng V, sinh năm 1968 (không triệu tập)

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Ông Dương Trọng Đ – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Dương Thị M trình bày:

Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của cha bà là ông Dương Hùng P mua của người khác để lại cho bà vào năm 2003. Phần đất bà được cho tọa lạc tại ấp 5, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Cha bà đã đăng ký với nhà nước cho bà đứng tên trong sổ mục kê, nhưng bà chưa làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất này cha bà vẫn sử dụng. Năm 2013, cha bà mất, bà lấy lại đất canh tác nhưng ông Đ đang canh tác. Năm 2014, bà lấy đất lại canh tác. Đến năm 2017, bà và ông Đ tiếp tục tranh chấp. Tại phiên tòa, bà yêu cầu ông Đ trả cho bà phần đất theo đo đạc thực tế là 4.726,6 m², tọa lạc tại ấp 5, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn ông Dương Trọng Đ trình bày:

Phần đất tranh chấp là của cha mẹ ông (ông Dương Hùng P, bà Trần Thị T) chết để lại cho ông. Theo di chúc ngày 24 tháng 4 năm 2009, cha ông để lại cho ông toàn bộ phần đất còn lại là 20 công tầm 03 m, kể cả phần đất tranh chấp. Bà M đã được cha ông cho phần đất 03 công nhưng bà M đã bán lại cho cha ông lấy 03 lượng vàng 24 kara. Đất này ông quản lý đến năm 2015 mới xảy ra tranh chấp với bà M. Ông không đồng ý trả đất theo yêu cầu của bà M.

Bà Mai Thị P là vợ ông Đ thống nhất với lời trình bày của ông Dương Trọng Đ. Bà không đồng ý trả đất theo yêu cầu của nguyên đơn.

Ông Dương Văn H1 trình bày:

Phần đất tranh chấp là của cha mẹ ông là ông Dương Hùng P và bà Trần Thị T. Năm 2003, cha ông đã cho phần đất trên cho bà M và đã đăng ký với Nhà nước cho bà M đứng tên trong sổ mục kê. Ông đồng ý giao phần đất cho bà M quản lý, sử dụng.

Bà Dương Thị L, ông Dương Văn G, ông Dương Văn D, ông Dương Khánh D thống nhất với trình bày của ông H1. Các ông, bà đồng ý giao phần đất tranh chấp cho bà M quản lý, sử dụng.

Ông Dương Hùng V trình bày:

Cha ông là ông Dương Hùng P trước khi qua đời có chia đất cho các anh em sử dụng ổn định từ năm 2009. Bà M đã được cho 03 công đất nhưng đã bán cho cha ông lấy 03 lượng vàng 24 kara. Nay bà M yêu cầu ông Đ trả đất là không đúng. Ông không yêu cầu chia phần đất tranh chấp.

Ông Dương Văn H2 trình bày:

Cha ông là ông Dương Hùng P trước khi qua đời có chia đất cho các anh em sử dụng ổn định từ năm 2009. Bà M đã được cho 03 công đất nhưng đã bán cho cha ông lấy 03 lượng vàng 24 kara. Nay bà M yêu cầu ông Đ trả đất là không đúng. Ông không yêu cầu chia phần đất tranh chấp.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2018/DS-ST ngày 29/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 144, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị M kiện đòi ông Dương Trọng Đ trả phần đất diện tích 4.726,6 m² thuộc thửa số 471, tờ bản đồ 06, toạ lạc tại ấp 5, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Buộc ông Dương Trọng Đ, bà Mai Thị P trả cho bà Dương Thị M quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 4.726,6 m² thuộc thửa số 471, tờ bản đồ 06, toạ lạc tại ấp 5, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau, có vị trí tứ cận như sau:

- + Phía đông giáp đất bà Nguyễn Thị H cạnh dài 21 m;
- + Phía tây giáp đất của ông Dương Trọng Đ, cạnh dài 14,5m;
- + Phía nam giáp đất ông Huỳnh Văn L, cạnh dài 277,6 m;
- + Phía bắc giáp đất ông Mai Văn L cạnh dài 278 m.

(có sơ đồ đo đạc kèm theo)

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định, định giá, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 08/9/2018 ông Dương Trọng Đ kháng cáo với nội dung cấp sơ thẩm không nhận định việc bà Dương Thị M có nhận 30 chỉ vàng từ việc chuyển nhượng đất nên ông không đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện

đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phía ông Đ khẳng định phần đất đang tranh chấp là bà M đã chuyển nhượng cho ông và cha ông là cụ Dương Hùng P.

Xét thấy tại phiên tòa cũng như quá trình giải quyết ông Đ không chứng minh được việc bà M chuyển nhượng cho ông cụ thể như thế nào, chỉ trên cơ sở bà M có thừa nhận bà M có nhận vàng từ cha của ông là cụ P, việc nhận vàng bà M cũng chỉ thừa nhận là nhận nhiều lần và do bà bị bệnh nên cha bà cho bà, hỗ trợ việc điều trị. Thực tế phần đất đang tranh chấp đứng tên trên sổ mục kê là bà M, phía ông Đ cũng thừa nhận là đất này trước đây cụ P cho bà M, sau này mới có việc cụ P chuyển nhượng lại đất.

[2] Tại phiên tòa phía ông N trình bày việc chuyển nhượng có sự xác nhận của ông Dương Hùng V, Dương Văn H2, nhưng ông N lại xác nhận ông V và ông H2 không chứng kiến việc chuyển nhượng, chỉ nghe cụ P nói lại. Như vậy, việc chuyển nhượng đất giữa bà M và cụ P, ông Đ không ai chứng kiến, phía ông Đ không chứng minh được việc chuyển nhượng, bà M không thừa nhận việc bà chuyển nhượng đất. Mặc dù nếu có việc bà M nhận vàng đi nữa thì cũng không chứng minh được việc bà M nhận vàng là chuyển nhượng đất vì bà M chỉ thừa nhận có nhận vàng nhiều lần, mối quan hệ giữa bà M và cụ P là cha con, cụ P cũng có quyền cho bà M vàng.

Từ nhận định trên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Dương Trọng Đ theo như đề nghị của Viện kiểm sát, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm ông Dương Trọng Đ phải chịu theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Trọng Đ. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 72/2018/DS-ST ngày 29/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện T.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 144, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị M kiện đòi ông Dương Trọng Đ trả phần đất diện tích 4.726,6 m² thuộc thửa số 471, tờ bản đồ 06, toạ lạc tại ấp 5, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Buộc ông Dương Trọng Đ, bà Mai Thị P trả cho bà Dương Thị M quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 4.726,6 m² thuộc thửa số 471, tờ bản đồ 06, toạ lạc tại ấp 5, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau, có vị trí tứ cận như sau:

- + Phía đông giáp đất bà Nguyễn Thị H cạnh dài 21 m;
- + Phía tây giáp đất của ông Dương Trọng Đ, cạnh dài 14,5m;
- + Phía nam giáp đất ông Huỳnh Văn L, cạnh dài 277,6 m;
- + Phía bắc giáp đất ông Mai Văn L cạnh dài 278 m.

(có sơ đồ đo đạc kèm theo)

2. Án phí dân sự phúc thẩm ông Dương Trọng Đ phải chịu là 300.000 đồng, ngày 10/9/2018 ông Đ đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008659 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được chuyển thu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo ,kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hoàng Thị Hải Hà